

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09-4-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Bùi Long Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1115/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/3/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị H, sinh năm 1995; địa chỉ thường trú: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tạm trú: Khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ tạm trú: Khu phố 3, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Cao Thị H trình bày:

Bà H và ông T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương vào năm 2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03, quyển số 01/2015 ngày 14/01/2015. Hôn nhân giữa bà H và ông T hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng bà H và ông T chung sống hạnh phúc

với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông T không chịu đi làm, không có trách nhiệm với gia đình phụ bà H chăm sóc con chung và trên thực tế vợ chồng bà H và ông T đã sống ly thân với nhau từ tháng 11/2020 cho đến nay. Nhận thấy, hôn nhân giữa bà H và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình sống chung bà H và ông T có 01 con chung tên Phạm Chí H, sinh ngày 30/12/2013. Tại đơn khởi kiện, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những chứng cứ, tài liệu nguyên đơn đã cung cấp: Bản sao chứng minh nhân dân; sổ hộ khẩu; sổ tạm trú; giấy chứng nhận kết hôn; giấy khai sinh; hợp đồng lao động; sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng của bà Cao Thị H.

Bị đơn ông Phạm Thanh T: Ông T thống nhất lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, thời gian chung sống. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bà H bắt buộc ông T mỗi tháng phải đưa cho bà H số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng để lo cho gia đình nhưng do tình hình dịch bệnh Covid – 19 nên thu nhập ông T không ổn định không đưa đủ cho bà H số tiền trên. Mặt khác, bà H cấm không cho ông T ra ngoài uống rượu với bạn bè, hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên bà H đã dọn qua nhà chị gái của bà H sinh sống từ tháng 11/2020 cho đến nay, ông và bà H cũng chính thức sống ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Tuy nhiên, ông T vẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình sống chung bà H và ông T có 01 con chung tên Phạm Chí H, sinh ngày 30/12/2013. Nếu Tòa án giải quyết cho ông Tuấn và bà H ly hôn thì ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nuôi con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những chứng cứ, tài liệu bị đơn đã cung cấp: Không.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng bị đơn chỉ có mặt tại Tòa án để lấy lời khai, làm đơn

đề nghị xét xử vắng mặt và nhận Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ đề ngày 28/12/2020, vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu nuôi con chung với bị đơn nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có đăng ký địa chỉ tạm trú và hiện đang sinh sống tại khu phố 3, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[1.3] Về việc có mặt, vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn trên cơ sở tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương vào năm 2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03, quyển số 01/2015 ngày 14/01/2015. Như vậy, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng nguyên đơn xác định từ tháng 11/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng không còn sống chung và trên thực tế nguyên đơn và bị đơn đã ly thân từ tháng 11/2020 cho đến nay. Hiện tại, bà H xác định tình cảm giữa hai vợ

chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Bị đơn ông T trình bày vẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc. Nguyên đơn và bị đơn xác định giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2020, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nguyên đơn xác định không còn tình cảm với bị đơn. Bị đơn ông T đã được Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với bị đơn để nguyên đơn, bị đơn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn không tham gia hòa giải cho thấy bị đơn không có thiện chí hoà giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Mặt khác, tại Biên bản xác minh tại địa phương ngày 07/01/2021, chính quyền địa phương xác định quá trình sinh sống tại địa phương, giữa bà H và ông T có phát sinh mâu thuẫn, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn đại diện chính quyền địa phương không nắm rõ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Phạm Chí H, sinh ngày 30/12/2013. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 01 con chung tên Phạm Chí H, sinh ngày 30/12/2013. Xét thấy tại Bản tự khai 11/3/2021, nguyện vọng của cháu Phạm Chí H muốn được sống cùng với bà H, bà H cũng là người chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H từ nhỏ. Mặt khác, tại Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ ngày 28/12/2020, đối với bị đơn về việc cung cấp các chứng cứ liên quan đến yêu cầu về quyền nuôi con đối với cháu Phạm Chí H, sinh ngày 30/12/2013, tuy nhiên hết thời hạn theo Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh thể hiện quyền yêu cầu nuôi con của mình. Do đó, việc giao cháu H cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung là cháu Phạm Chí H, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị H về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn ông Phạm Thanh T.

- Về hôn nhân: Bà Cao Thị H được ly hôn với ông Phạm Thanh T.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 14/01/2015 cho bà Cao Thị H và ông Phạm Thanh T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Phạm Chí H, sinh ngày 30/12/2013 cho bà Cao Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ông Phạm Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Thanh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông Phạm Thanh T thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0054131 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

Hồ Thị Hoa